

Số :0810/VFM.2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
 VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **08/10/2019**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	390	1.04%
2	BVH	160	0.75%
3	CTD	100	0.60%
4	CTG	690	0.94%
5	DPM	370	0.35%
6	EIB	2,420	2.71%
7	FPT	1,250	4.60%
8	GAS	220	1.47%
9	GMD	620	1.11%
10	HDB	1,590	2.89%
11	HPG	3,820	5.39%
12	MBB	3,150	4.67%
13	MSN	1,080	5.47%
14	MWG	670	5.37%
15	NVL	860	3.56%
16	PNJ	410	2.15%
17	REE	390	0.96%
18	ROS	390	0.67%
19	SAB	160	2.76%
20	SBT	610	0.72%
21	SSI	700	0.98%
22	STB	3,930	2.73%
23	TCB	5,240	8.04%
24	VCB	690	3.78%
25	VHM	810	4.78%
26	VIC	970	7.52%
27	VJC	630	5.73%
28	VNM	1,170	10.01%
29	VPB	3,960	5.71%
30	VRE	1,020	2.13%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,503,060,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,509,606,695
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 6,546,195
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 08/10/2019	Kỳ trước/Previous period 07/10/2019	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	6	0	6
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	2	0	2
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	422,300,000	421,900,000	400,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	15,200	15,300	-100
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
<i>của quỹ ETF/of the Fund</i>	6,369,030,645,861	6,422,799,041,769	-53,768,395,908
<i>của một lô ETF/per Creation Unit</i>	1,509,606,695	1,522,351,041	-12,744,346
<i>của một chứng chỉ quỹ/per Share</i>	15,096.06	15,223.51	-127.45
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,006.99	998.44	8.55

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO